**BÀI 5: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**Tiết 62,63**

**Thực hành Tiếng Việt**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN TRẠNG NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

***a.Năng lực cốt lõi: Ngôn ngữ***

- Học sinh biết xác định được trạng ngữ

- Nhận biết từ, các cụm từ mở rộng trạng ngữ.

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có mở rộng thành phần trạng ngữ.

**b. Năng lực chung:**

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng thực hiên nhiệm vụ học tập hiệu quả.

***2. Phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

**2. Học liệu:** Tài liệu tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh huy động những hiểu biết về mở rộng trạng ngữ kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh đàm thoại cá nhân.

**c. Sản phẩm**

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức học sinh tham gia trò chơi ***“Ai tinh, ai nhanh”***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV nêu nhiệm vụ phần mở đầu:Học sinh tham gia trò chơi “Ai tinh, ai nhanh”- lắng nghe lời hát và tìm trạng ngữ có trong lời hát.  - GV phổ biến luật của trò chơi “***Ai tinh, ai nhanh”***  **-** Luật chơi:GV bật video lời hát, học sinh lắng nghe tìm trạng ngữ có trong đoạn bài hát.Học sinh tham gia trò chơi nhanh chóng giơ tay trả lờikhi nhạc điệu kết thúc. Khi bạn trả lời sai các HS khác được quyền trả lời.   |  |  | | --- | --- | | **Lời bài hát** | **Trạng ngữ- kiểu trạng ngữ** | | (a)  *Trên cành cao, chim hót*  *Mời em chơi giữa vườn xuân.*  *Bao bạn thân lấp ló.*  *Gọi em tung tăng sân nhà.*  (*Không dám đâu*, Nguyễn Văn Hiên) |  | | *(b****)***  *Ôi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu.*  *Có loài chim đang hót âm thầm tựa như nói.*  *Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.*  *Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha.*  (*Mái trường mến yêu*, Lương Thanh Hằng) |  | | (c)  *Kìa chú là chú ếch con có hai là hai mắt tròn. Chú ngồi học bài một mình bên hố bom kề vườn xoan. Bao nhiêu cô cá trê non, cùng bao nhiêu chú cá rô ron. Tung tăng chiếc vây son nhìn theo tiếng ếch vang giòn!*  (*Chú ếch con,* Phan Nhân) |  | | (*d)*  *Em đi giữa biển vàng. Nghe mênh mang trên đồng lúa hát hương lúa chín thoang thoảng bay làm lung lay hàng cột điện làm xao động cả rặng cây.*  (*Em đi giữa biển vàng*, Bùi Đình Thảo) |  | | (e)    *Trên trời cao có muôn ngàn ánh sao*  *Dưới đồng xanh có muôn nghìn cây lúa*  *Con chim rừng, có muôn ngàn tiếng ca.*  *Cây trong vườn có muôn ngàn lá hoa.*  (*Chỉ có một mà thôi*, Trương Quang Lục) |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV cho HS lần lượt nghe giai điệu bài hát và chỉ định bất kì học sinh nào trả lời  - HS lắng nghe tìm trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn, mục đích, nguyên nhân...  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - GV gọi từng cá nhân học sinh trả lời khi một điệu nhạc kết thúc. HS dưới lớp lắng nghe bổ sung.  - Giáo viên góp ý.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá phần thái độ, hiệu quả của HS khi tham gia trò chơi  - GV chiếu đáp án cho HS tự bổ sung và hỏi thêm học sinh về khái niệm trạng ngữ, sau đó GV kết luận , nêu nhiệm vụ tiết học: Mở rộng trạng ngữ. |

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | | **Kiểu trạng ngữ** |
| **1** | *Trên cành cao, chim hót*  *Mời em chơi giữa vườn xuân.*  *Bao bạn thân lấp ló*  *Gọi em tung tăng sân nhà.*  (*Không dám đâu*, Nguyễn Văn Hiên) | Trạng ngữ chỉ địa điểm, nơi chốn:  *+ trên cành cao*  *+ giữa vườn xuân*  *+ sân nhà* |
| **2** | (2) Ôi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu.  Có loài chim đang hót âm thầm tựa như nói.  Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.  Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha.  (*Mái trường mến yêu*, Lương Thanh Hằng) | + Trạng ngữ chỉ nơi chốn: *Dưới mái trường mến yêu.*  + Trạng ngữ chỉ mục đich: *Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.* |
| **3** | *Kìa chú là chú ếch con có hai là hai mắt tròn. Chú ngồi học bài một mình bên hố bom kề vườn xoan. Bao nhiêu cô cá trê non, cùng bao nhiêu chú cá rô non. Tung răng chiếc vây son nhìn theo tiếng ếch vang giòn!*  (*Chú ếch con*, Phan Nhân) | + Trạng ngữ chỉ địa điểm “*Hố bom kề vườn xoan”* |
| **4** | (4) *Em đi giữa biển vàng. Nghe mênh mang trên đồng lúa hát hương lúa chín thoang thoảng bay làm lung lay hàng cột điện làm xao động cả rặng cây.*  (*Em đi giữa biển vàng*, Bùi Đình Thảo) | TN chỉ địa điểm, nơi chốn: *Giữa biển vàng, trên đồng lúa chín.* |
| **5** | *Trên trời cao có muôn ngàn ánh sao*  *Dưới đồng xanh có muôn nghìn cây lúa*  *Con chim rừng, có muôn ngàn tiếng ca.*  *Cây trong vườn có muôn ngàn lá hoa*.  (*Chỉ có một mà thôi*, Trương Quang Lục) | TN chỉ địa điểm, nơi chốn: *Trên trời cao*  *Dưới đồng xanh*  *Trong vườn* |

GV hỏi HS và lưu ý (trên máy): Khái niệm, đặc điểm vai trò của trạng ngữ.

**Dự kiến trả lời:**

*+ Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu chỉ bối cảnh (vị trí, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, tính chất...) của sự việc nêu trong câu.*

*+ Trạng ngữ có thể được biểu hiện bằng từ, cụm từ và thường trả lời các câu hỏi: Khi nào? Ở đâu? Vì sao? Để làm gì? Bằng gì? Như thế nào?.*

*+Trạng ngữ có thể đứng ở đâu, cuối hay giữa câu.*

*+ Trạng ngữ thường được ngăn cách với nòng cốt câu (vị ngữ và chủ ngữ) bởi một dấu phẩu khi viết.*

*+ Trạng ngữ không phải là thành phần bắt buộc trong câu. Nhưng trong giao tiếp, ở những câu cụ thể việc bỏ trạng ngữ sẽ làm cho câu thiếu thông tin, thậm chí thiếu thông tin chính hoặc không liên kết được với các câu khác*

**HOẠT ĐỘNG 2. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN (7’)**

**a. Mục tiêu:** Học sinh củng cố hiểu biết về trạng ngữ, cách mở rộng trạng ngữ.

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời cá nhân các câu hỏi tìm hiểu tri thức ngữ văn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GVvà HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh trả lời cá nhân câu hỏi:  (1) Nêu các cách thực hiện mở rộng trạng ngữ. Cho ví dụ minh họa.  (2) Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện cách mở rộng trạng ngữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời, bổ sung ý kiến cho bạn  GV góp ý, bổ sung  **Bước 4:** Đánh giá, kết luận  - HS đánh giá phần trả lời của bạn.  - GV kết luận trên máy sơ đồ về cách mở rộng trạng ngữ. | **I. Kiến thức ngữ văn**  **Cách mở rộng trạng ngữ.**  **-** Dùng từ hoặc cụm từ chính phụ( cụm dạnh từ, cụm động từ, cụm tính từ) bổ sung cho từ làm trạng ngữ.  Ví dụ:  **+** *Hồi ấy, rừng này còn nhiều hổ lắm*.(Đoàn Giỏi)  **+** *Trong chuyến đi về Hà Tĩnh, quan Phó bảng Sắc lưu lại huyện Đức Thọ một thời gian* (Sơn Tùng)  **-** Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm trạng ngữ hoặc trực tiếp cấu tạo trạng ngữ:  Ví dụ**:***Khi tôi cầm lọ muối lên thì thấy chú đã ngồi xổm xuống cạnh bếp* (Đoàn Giỏi) |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH (20’)**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về mở rộng trạng ngữ.

**b. Nội dung:** Học sinh làm tập SGK/108-109.

**c. Sản phẩm:**Phần bài tập hs đã làm*.*

**d. Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi lần lượt các bài tập SGK.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÀI 1/108 (HS thực hiện cá nhân)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV: Chiếu bài tập 1:**  **Bài 1: Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ đó.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trạng ngữ** | **Phần trung tâm** | **Thành tố phụ** | | a) *Với hai lần bật cung liên tiếp, chú đã bắn gục hai tên địch.* |  |  |  | | b) *Sau nghi lễ bái tổ, hai đô thực hiện nghi thức xe đài.* |  |  |  | | c) *Sau hồi trống lệnh, các đội đổ thóc vào xay, giã, giần, sàng.* |  |  |  |   - Giáo viên nhắc lại cho học sinh kiến thức về cụm danh từ (cụm từ do danh từ và các từ ngữ phụ thuộc tạo thành, phần trung tâm là danh từ, phần phụ trước thường chỉ lượng, phần phụ sau thường bổ sung về đặc điểm, vị trí...)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm cá nhân vào phiếu bài tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày kết quả bài tập.  - HS khác lắng nghe, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả thực hiện nhiệm vụ của của HS.  - GV đánh giá, chốt kiến thức- HS tự đối chiếu bài làm.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trạng ngữ** | **Phần trung tâm** | **Thành tố phụ** | | *a) Với hai lần bật cung liên tiếp, chú đã bắn gục hai tên địch.* | *hai lần bật cung liên tiếp,* | *lần* | *hai, bật cung liên tiếp* | | b) *Sau nghi lễ bái tổ, hai đô thực hiện nghi thức xe đài.* | *nghi lễ bái tổ* | *nghi lễ* | *bái tổ* | | c) *Sau hồi trống lệnh, các đội đổ thóc vào xay, giã, giần, sàng.* | *hồi trống lệnh* | *hồi trống* | *lệnh.* | |

**BÀI 2/109 (Tổ chức thực hiện cặp đôi)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ:** Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ - vị trong mỗi cụm danh từ đó.

*a) Từ ngày công chúa bị mất tích, nhà vua vô cùng đau đớn*. (Thạch Sanh)

b) *Khi tiếng trống chầu vang lên, hai đô vật “mình trần đóng khố, chân quỳ vai sánh, hai tay chắp sườn*. (Phí Trường Giang).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Trạng ngữ** | | |
| **Cụm danh từ** | **DTTT** | **Thành tố phụ là cụm C -V** |
| a | ngày công chúa bị mất tích | ngày | công chúa // bị mất tích                C                  V |
| b | Khi tiếng trống chầu vang lên | Khi | tiếng trống chầu// vang lên                C                  V |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trao đổi và chia sẻ cặp đôi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại điện cặp đôi lên trình bày kết quả bài tập

- Dưới lớp bổ sung và có thể hỏi thêm các kiến thức liên quan

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV đánh giá việc thực hiện và chia sẻ của các cặp đôi.

- GV chiếu đáp án để học sinh tự bổ sung

**Bài tập 3.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu bài tập –HS đọc

**Nhiệm vụ:** Tìm trạng ngữ là cụm chủ vị trong những câu dưới đây. Chỉ ra các kết từ được dùng để nối trạng ngữ với vị ngữ.

*a) Tôi cũng đỡ phần nào áy náy vì chắc Trũi được vô sự. (Tô Hoài)*

*b) Dù có vấp phải cái gì, ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong. (Véc – nơ)*

*c) Khi ấy, nhất thiết hai đô phải dừng trận đấu để cụ cầm chầu phân xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc (Phí Trường Giang).*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Trạng ngữ là cụm chủ vị** | **Kết từ nối trạng ngữ với vị ngữ** |
| a |  |  |
| b |  |  |
| c |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ (3HS làm trên bảng còn lại HS làm vào vở)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày kết quả làm bài và bổ sung cho nhau

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV đánh giá việc thực hiện và chia sẻ của các cặp đôi.

- GV chiếu đáp án để học sinh tự bổ sung.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Trạng ngữ là cụm chủ vị** | **Kết từ nối trạng ngữ với vị ngữ** |
| a | Trũi được vô sự | vì (chỉ nguyên nhân) |
| b | tàu đang đỗ ở chỗ nước trong | vì (chỉ nguyên nhân) |
| c | cụ cầm chầu phân xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc được nối | để |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

**b. Nội dung:**Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài 4 SGK/109 – viết đoạn văn

**c. Sản phẩm: Phần trả lời của học sinh**

**d. Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 5:** HS làm bài tập 4.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV chiếu bài tập và yêu cầu HS đọc, xác định đề

Viết một đoạn văn (khoảng 5 -7 dòng) phát biểu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “*Ca Huế”,* trong đó có sử dụng ít nhất một trạng ngữ là cụm chủ vị. Xác định vị ngữ là cụm chủ vị trong đoạn văn đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS thực hành viết vào vở bài tập.

+ Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.

**-** GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**: Yêu cầu HS lên trình bày và hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

**HS**: Trình bày kết quả, HS khác lắng nghe góp ý

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- GV cho HS tự đánh giá bài làm theo tiêu chí

**-** Chiếu trên máy cho HS tham khảo một số đoạn văn

**Đoạn tham khảo 1:**

**Đến với xứ Huế mộng mơ mỗi chúng ta ai cũng mong một lần được nghe ca Huế.** Đó là một loại hình âm nhạc truyền thống mang đậm nét đẹp phong cách văn hóa của vùng đất cố đô. Không gian diễn xướng của Ca Huế mang nét riêng, thường được biểu diễn trong một không gian hẹp, vào buổi tối vì tính chất của âm nhạc mang tính tâm sự, tâm tình. Số lượng người tham gia ca Huế khoảng từ 8-10 người. Về phong cách biểu diễn ca Huế có 2 kiểu. Thứ nhất là cách biểu diễn truyền thống người biểu diễn và người thường thức có quen biết nhau, vừa thưởng thức nghệ thuật vừa có thể nhận xét đánh giá, góp ý. Thứ hai là biểu diễn cho du khách: Có giới thiệu chương trình, quá trình hình thành, phát triển giá trị của ca Huế với các tiết mục biểu diễn minh họa của nghệ nhân. Em rất yêu thích thể loại âm nhạc đặc biệt này, em mong ca Huế sẽ mãi được bảo tồn và ngày càng phát huy. Với những phong cách biểu diễn mang dấu ấn riêng biệt, ca Huế thực sự là loại hình ca nhạc dân tộc có giá trị vững bền.

**Đoạn tham khảo 2:**

Văn bản “Ca Huế” đã giúp bạn đọc có những hiểu biết về thông tin bổ ích, thú vị về một loại hình ca nhạc độc đáo của dân tộc. Được sáng tạo bởi các nghệ nhân tài danh, ca Huế gồm nhiều bài bản, điệu thức, nhiều cách hát khác nhau. Là loại hình ca nhạc bác học, chuyên nghiệp, ca Huế có yêu cầu cao về kĩ thuật hát (từ cách phát âm, cách nhả chữ, luyến láy...) cho đến nhạc đệm (với các nhạc công tài năng và nhiều nhạc cụ trọng dàn “ ngũ tuyệt”). Em hiểu rằng cần có ý thức bảo tồn lâu dài và phổ biến rộng rãi hơn để mọi người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế đều biết và yêu mến loại hình ca nhạc đặc sắc này.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC (3”)**

**- Học bài:** Nắm vững cách mở rộng trạng ngữ.

**- Chuẩn bị bài:** *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang.*

+ Tìm hiểu về vị trí, văn hóa của Bắc Giang

+ Chuẩn bị các câu hỏi đọc hiểu văn bản

**\*Rút kinh nghiệm:**